

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG TÀI
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 24-3-2023
V/v: “Tranh chấp về kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG TÀI, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy M

Ông Nguyễn Xuân Q

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Th - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST-DS ngày 01/11/2022 về “Tranh chấp về kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 03/01/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962

Cư trú tại: Thôn ĐX, xã ĐP, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

“Có mặt”

Bị đơn: Ông Vũ Văn Th, sinh năm 1964

Cư trú tại: Thôn TL, xã TC, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh.

“Vắng mặt”

Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1972

Cư trú tại: Thôn ĐH, Thị trấn T, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh

“Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết và quan hệ tình cảm với ông Vũ Văn Th từ trước nên vào ngày 22/4/2012 ông Th nhờ bà cho anh Vũ Văn Q là cháu gọi ông Th bằng chú ruột vay vàng, ông Th dẫn anh Q lên nhà bà hỏi vay 3 chỉ vàng 9999, bà có yêu cầu anh Q đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc mang tên vợ chồng anh Q để làm tin, anh Q nhận vàng và hẹn 1 tháng sau sẽ trả đầy đủ số vàng đã vay cho bà. Khi đến hạn anh Q không trả vàng cho bà nên bà đã gọi cho ông Th thì ông Th nói là cho ông Th mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Q để đi vay vàng trả cho bà, tin lời ông Th bà đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Q cho ông Th nhưng một thời gian dài sau ông Th và anh Q vẫn không trả vàng và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Ngày 08/11/2019 bà làm đơn gửi công an xã TC. Tại Công an xã TC ông Th khai đã cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Q ở nhà anh Dương Văn Đ trú tại thôn ĐH, thị trấn T, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh để vay tiền của anh Đ và hứa đến tháng 12 (âm lịch) năm 2019 sẽ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Q cho bà nhưng đến hạn ông Th vẫn không trả. Đến năm 2020 anh Q đã trả đủ cho bà 3 chỉ vàng và yêu cầu bà phải mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về trả để anh Q làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị M và ông Nguyễn Văn T ở thôn TL, xã TC, huyện Lương Tài. Do bị bà thúc giục nhiều nên đến ngày 15/05/2020, ông Th đưa cho bà 30.000.000 đồng và yêu cầu bà ký sẵn vào Giấy nhận sổ do ông Th viết từ trước xác nhận bà đã nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Q và yêu cầu bà tự lên nhà anh Đ trả tiền, nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng khi bà lên nhà anh Đ trả tiền do ông Th vẫn còn nợ anh Đ 1000 USD và 20.000.000 đồng nên anh Đ không cho bà lấy lại Giấy chứng nhận Q sử dụng đất. Do bị phía anh Q và bà M thúc ép nên ngày 04/3/2022 bà phải vay tạm bà M số tiền 35.000.000 đồng để cùng bà M lên nhà anh Đ trả hết nợ còn lại của ông Th là 40.000.000 đồng và lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về trả cho anh Quyền. Sau khi lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thì bà M và ông Th đã đòi lại bà số tiền 35.000.000 đồng và bà đã trả đủ cho bà M, ông Th số tiền trên. Sau khi trả tiền cho anh Đ thì giữa bà và anh Đ có lập 01 văn bản thỏa thuận về việc chuyển giao Q yêu cầu với nội dung: *“Ông Dương Văn Đ chuyển giao quyền yêu cầu đòi số tiền 40.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng chẵn) cho bà Nguyễn Thị L đối với người có nghĩa vụ là ông Vũ Văn Th, sinh năm 1964, cư trú tại thôn TL, xã TC, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh. Kể từ ngày 04/3/2022 trở đi bà L trở thành bên có quyền yêu cầu. Ông Đ đã chuyển giao cho bà L toàn bộ giấy tờ có liên quan đến vay nợ đối với người có nghĩa vụ là ông Th. Số tiền 40.000.000 đồng mà ông Th có nghĩa vụ trả thuộc Q sở hữu của bà Lan”. Số tiền 40.000.000 đồng mà bà trực tiếp trả cho anh Đ để lấy lại Giấy chứng nhận Q sử dụng đất về trả cho anh Q hiện tại thuộc Q sở hữu của bà, bà đã yêu cầu ông Th trả lại cho bà số tiền trên nhưng ông Th không trả. Do vậy đề nghị Tòa án buộc ông*

Vũ Văn Th phải trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng, bà không yêu cầu ông Th phải trả lãi.

- *Phương thức thanh toán:* Bà yêu cầu ông Th phải trả ngay cho bà toàn bộ số nợ trên.

- *Về án phí:* Bà đề nghị phía bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Vũ Văn Th đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th trình bày: Ông thừa nhận là vào năm 2012 ông có mượn của bà L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Văn Q là cháu gọi ông bằng chú ruột để cầm cố cho anh D Văn Đ vay số tiền 30.000.000 đồng, còn số tiền 30.000.000 đồng và 1000 USD là do ông đứng ra bảo lãnh cho ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966 ở thôn Lai Đông 3, xã TC, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1972 và anh Vũ Văn Tr, sinh năm 1984 cùng ở thôn TL, xã TC, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; tiền là họ nhận của anh Đ, ông chỉ ký vào bên vay tiền của anh Đ trong các giấy vay tiền ngày 16/12/2012, 26/12/2012 và 25/1/2013 chứ thực chất ông không được nhận tiền. Số tiền này cho đến nay ông H, anh Đ1, anh Tr chưa trả cho anh Đ và anh Đ phải có trách nhiệm đòi của những người này, ông không liên quan gì và cũng không liên quan đến việc ông cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 15/5/2020, ông đã đưa cho bà L số tiền 30.000.000 đồng để bà L trả cho anh Đ và bà L đã ký vào “Giấy nhận sổ đỏ” với nội dung là ông đã trả sổ đỏ của anh Q cho bà L và bà L đã nhận sổ đỏ, từ nay ông không có trách nhiệm, nếu anh Q có đòi ông hoặc phát sinh kiện tụng thì bà L phải chịu trách nhiệm. Do bà L đã ký vào giấy nhận sổ đỏ và trả đủ số tiền ông đã cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đ để vay 30.000.000 VNĐ nên ngày 04/3/2020 bà L tự ý trả cho anh Đ số tiền 40.000.000 đồng. Giữa bà L và anh Đ lập văn bản thỏa thuận chuyển giao Q yêu cầu, ông không được bà L hay anh Đ thông báo, ông không thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả tiền cho bà L. Do vậy ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, ông không có trách nhiệm trả tiền cho bà L. Còn việc ông ký nhận nợ của anh Đ thay cho ông H, anh Đ1 và anh Tr thì khi nào những người này trả ông sẽ đưa họ lên tận nhà để trả cho anh Đ, ông đề nghị Tòa án triệu tập ông H, anh Đ1 và anh Tr, bà M lên để lấy lời khai, xác minh nội dung đúng như ông đã trình bày.

Về án phí: Do ông không liên quan gì đến số tiền bà L đòi nên ông không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Dương Văn Đ trình bày: Năm 2012 và năm 2013 anh có cho ông Vũ Văn Th vay 4 lần với tổng số tiền là 1000 USD và 60.000.000 đồng. Khi vay thì ông Th có đưa cho anh giữ 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Văn Qu. Kể từ khi vay cho đến

khi đến hạn thanh toán thì ông Th không trả tiền cho anh, đến năm 2015 con gái ông Th lên nhà trả cho anh được 10.000.000 đồng. Ngày 04/6/2020 bà L trả thay cho ông Th 30.000.000 đồng và yêu cầu anh phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Q nhưng do ông Th vẫn chưa trả hết nợ nên anh không nhất trí. Đến ngày 04/3/2022 bà L đi cùng bà Mười lên nhà trả tiếp cho anh 40.000.000 đồng (bao gồm 20.000.000 đồng và 1000 USD anh đã quy đổi ra tiền Việt Nam đồng bằng 20.000.000 đồng), anh đã nói với bà L “vậy là hết nợ của ông Th”, anh không lấy lãi mà chỉ lấy gốc, anh viết giấy xác nhận đã nhận đủ 40.000.000 đồng bà L trả nợ thay cho ông Th và giao cho bà L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Văn Qu; đồng thời anh và bà L đã lập văn bản thỏa thuận về việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi số tiền 40.000.000 đồng cho bà L đối với người có nghĩa vụ là ông Th. Đối với trình bày của ông Th cho rằng số tiền 1000 USD và 20.000.000 đồng còn nợ lại của anh là ông Th chỉ ký vào giấy vay tiền hộ ông Đ1, anh H, anh Tr chứ thực chất người vay là 3 người này. Quan điểm của anh là anh chỉ biết cho ông Th vay, ông Th đã ký vào giấy vay tiền còn ông Th vay tiền của anh xong thì cho ai vay thì anh không cần phải tìm hiểu. Nay bà L khởi kiện đòi tiền ông Th anh xác định đã chuyển giao Q yêu cầu cho bà L nên đề nghị Tòa án buộc ông Th phải có trách nhiệm trả tiền cho bà L.

Đại diện VKSND huyện Lương Tài phát biểu ý kiến: Việc Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn quy định của pháp luật. Việc Tòa án thu thập chứng cứ và ra các văn bản tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 4; Điều 197; Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 365, Điều 366, Điều 367 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 161, 227, 228, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L: Buộc ông Vũ Văn Th có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 40.000.000 VNĐ (Bốn mươi triệu đồng). Ông Vũ Văn Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự trong vụ án:

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Vũ Văn Th mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Dương Văn Đ vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Đối với yêu cầu của ông Th về việc triệu tập ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn Đ và anh Vũ Văn Tr: Xét thấy thỏa thuận vay tiền giữa ông Th với ông H, anh Đ và anh Tr không liên quan gì đến việc vay tiền giữa anh Đ và ông Th; giữa ông Th và anh Đ khi vay tiền có viết giấy biên nhận vay tiền, ông Th cũng thừa nhận có ký vào giấy biên nhận vay tiền, trong nội dung giấy vay tiền giữa anh Đ và ông Th không có nội dung nào liên quan đến ông H, anh Đ và anh Tr nên đây được coi là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã không triệu tập và lấy lời khai của ông H, anh Đ và anh Tr là phù hợp.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L là người nhận chuyển giao quyền yêu cầu của người có quyền là anh Dương Văn Đ đối với người có nghĩa vụ là ông Vũ Văn Th. Do ông Th không trả tiền cho bà L nên bà đã làm đơn khởi kiện đòi tiền đối với ông Th. Do vậy quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về kiện đòi tài sản”

[4]. Về Luật nội dung: Do thỏa thuận vay tiền giữa anh Đ ông Th được ký kết từ năm 2012 – 2013 nên luật áp dụng là Điều 4; Điều 197; Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; văn bản thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu giữa bà L và anh Đ lập tháng 4 năm 2022 đến tháng 11 năm 2022 bà L có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Lương Tài nên luật áp dụng là Điều 365, Điều 366, Điều 367 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]. Về nội dung vụ án:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2012 đến tháng 02/2013, giữa anh Đ và ông Th có thỏa thuận vay tiền, tổng số tiền ông Th vay của anh Đ là 60.000.000 đồng và 1000 USD, khi vay ông Th có đưa cho anh Đ giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Văn Q. Sau đó ông Th đã trả cho anh Đ được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 1000 USD và 20.000.000 đồng. Đến ngày 04/3/2022 bà L đã trả thay cho ông Th số tiền 40.000.000 đồng (bao gồm 1000 USD quy đổi ra Việt Nam đồng là 20.000.000 đồng và 20.000.000 đồng), đồng thời giữa bà L và anh Đ có thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu kiện đòi tiền từ anh Đ sang bà L đối với người có nghĩa vụ là ông Th. Mặc dù khi thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu bà L và anh Đ không thông báo bằng văn bản cho ông Th nhưng căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xác

định trước khi trả tiền cho anh Đ bà L đã yêu cầu ông Th phải trả tiền anh Đ để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về trả cho anh Q nhưng ông Th không trả, ông Th có biết việc bà L đi cùng bà M lên trả tiền cho anh Đ, trong quá trình giải quyết vụ án ông Th còn cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận của bà M xác nhận có đưa cho bà L 40.000.000 đồng để lấy sổ đỏ mang tên Vũ Văn Q, Tòa án cũng đã thông báo thụ lý vụ án, giao các văn bản tố tụng và lấy lời khai của ông Thiện, ông Th cũng không thắc mắc hay khiếu nại liên quan đến việc không được anh Đ hay bà L thông báo bằng văn bản việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi tiền từ anh Đ sang bà L mà chỉ không chấp nhận trả tiền cho bà L với lý do số tiền còn nợ anh Đ là do ông Th đứng ra ký vay thay cho ông H, anh Đ và anh Tr vì những người này chưa trả nên ông chưa trả cho anh Đ. Do vậy việc chuyển giao quyền yêu cầu giữa anh Đ và bà L là có căn cứ xác thực. Ông Th trình bày có mượn bà L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Văn Q để ông vay tiền của anh Đ, ông đã đưa cho bà L 30.000.000 đồng để bà L trả anh Đ và bà L đã viết giấy nhận sổ đỏ nhưng ông Th cũng thừa nhận ngoài số tiền đã đưa cho bà L thì ông vẫn còn nợ anh Đ 1.000 USD và 20.000.000 đồng và có đưa cho anh Đ giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Văn Q để vay tiền, tại văn bản xác nhận của bà M do ông Th nộp cũng khẳng định bà L là người trả tiền cho anh Đ và lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Văn Q; do bị anh Q thúc ép, bà đã yêu cầu ông Th trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhiều lần nhưng ông Th cố tình không trả nên bà L phải trả tiền cho anh Đ để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về trả anh Q. Sau đó để có căn cứ kiện đòi tiền ông Q thì giữa bà và anh Đ đã thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu kiện đòi số tiền 40.000.000 đồng đối với người có nghĩa vụ là ông Th. Sau khi thỏa thuận thì bà L trở thành người có quyền yêu cầu và bà đã làm đơn khởi kiện đòi tiền ông Th. Do vậy cần buộc ông Th phải trả cho bà L số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp.

Về lãi: Do bà L chỉ yêu cầu ông Th trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Phương thức thanh toán: Ông Vũ Văn Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L toàn bộ số tiền trên.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 4; Điều 197; Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 365, Điều 366, Điều 367 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 161, 227, 228, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan: Buộc ông Vũ Văn Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Vũ Văn Th phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho bà L là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lương Tài;
- Chi cục huyện Lương Tài;
- Đương sự;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Bắc Ninh
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoan